**MỤC LỤC**

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc484156858)

[1. Lý do chọn đề tài 1](#_Toc484156859)

[2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu 2](#_Toc484156860)

[3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 3](#_Toc484156861)

[4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 3](#_Toc484156862)

[5. Phương pháp nghiên cứu 3](#_Toc484156863)

[6. Bố cục đề tài 3](#_Toc484156864)

[I. Vài nét về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm *Truyền kì mạn lục* 5](#_Toc484156865)

[1.1. Tác giả Nguyễn Dữ 5](#_Toc484156866)

[1.2. Truyền kì mạn lục – “Áng thiên cổ kì bút” của văn học trung đại Việt Nam 6](#_Toc484156867)

[II. Đặc sắc nghệ thuật *Truyền kì mạn lục* 8](#_Toc484156868)

[2.1. Cốt truyện 8](#_Toc484156869)

[2.1.1 Đơn tích – đa tích 8](#_Toc484156870)

[2.1.2 Một số motip 10](#_Toc484156871)

[2.2. Kết cấu 12](#_Toc484156872)

[2.2.1 Motip truyền thống 12](#_Toc484156873)

[2.2.2 Dùng “bạt văn” 13](#_Toc484156874)

[2.3. Thủ pháp kể chuyện mượn lịch sử 15](#_Toc484156875)

[2.4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật 17](#_Toc484156876)

[2.5. Ngôn ngữ 20](#_Toc484156877)

[2.5.1 Ngôn ngữ bác học 20](#_Toc484156878)

[2.5.2 Giàu chất thơ 21](#_Toc484156879)

[KẾT LUẬN 23](#_Toc484156880)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn học Việt Nam trải qua từng thời kì, giai đoạn đã lưu lại những dấu ấn khá đặc sắc. Trong hoàn cảnh bị ngoại bang đô hộ nên bị chi phối mạnh mẽ của “vùng văn hoá Hán” nhưng bằng sức mạnh nội sinh từ văn học dân tộc, văn học Việt Nam đã tạo được những thành tựu rực rỡ. Nói đến nền văn học chịu ảnh hưởng từ Trung Quốc là nói đến nền văn học trung đại tồn tại từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX với sự nở rộ, phát triển một cách hệ thống các thể loại: thơ, phú, biểu, cáo, hịch...Dù ra đời muộn hơn nhưng khi xuất hiện, truyện truyền kì đã thật sự thực hiện sứ mệnh lịch sử quan trọng khi đưa nền văn xuôi tự sự lên đỉnh cao mới.

Truyền kì là một thể loại văn học thể hiện bước phát triển vượt bậc của nền văn xuôi trung đại. Nhưng để thể loại đó đạt đến sự hoàn chỉnh phải kể đến “Truyền kì mạn lục” của Nguyễn Dữ ra đời vào thế kỉ XVI, được đánh giá là áng “thiên cổ kì bút”. Nghiên cứu *Truyền kì mạn lục* trong dòng chảy của nền văn học cũng như trong sự so sánh với những tác phẩm truyền kì trước đó, Nguyễn Đăng Na cho rằng: “*Đến với Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ đã phóng thành công con tàu văn xuôi tự sự vào quỹ đạo nghệ thuật, bắt đầu cho việc văn học lấy con người làm đối tượng và trung tâm phản ánh”.* Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó, Nguyễn Dữ đã chủ ý trong việc sử dụng thành công những yếu tố nghệ thuật đặc sắc. Bằng hình thức nghệ thuật độc đáo được phát huy như một phương tiện chuyển tải nội dung, tạo nên những chỉnh thể nghệ thuật hoàn hảo, nhà văn đã gửi gắm những chủ đề tư tưởng lớn lao, phản ánh cuộc sống, con người thời đại đó. Do đó, việc nghiên cứu “*Đặc điểm nghệ thuật Truyền kì mạn lục*” của Nguyễn Dữ là đề tài khá thú vị và hấp dẫn, không chỉ góp phần khẳng định sự phát triển tư duy nghệ thuật của văn xuôi tự sự vào thế kỉ XVI ở nước ta mà còn có giá trị rất lớn trong việc giảng dạy các tác phẩm truyền kì trong nhà trường.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

*Truyền kì mạn lục* đã được nhiều nhà nghiên cứu văn học đánh giá cao ở cả phương diện nội dung và giá trị nghệ thuật. Trên cơ sở tìm hiểu, khảo sát những công trình nghiên cứu về “*Truyền kì mạn lục*”, chúng tôi đã tổng hợp được một số nhận định có liên quan trực tiếp làm cơ sở khoa học cho đề tài như sau:

Hà Thiện Hán trong **lời Tựa Truyền kỳ mạn lục** viết năm Vĩnh Định sơ niên(1547): “*Xem văn từ của sách thấy không ra ngoài phên dậu của Tông Cátnhưng có ý khuyên răn, có ý nêu quy cũ phép tắc, đối với việc giáo hoá ở đời,há có phải bổ khuyết nhỏ đâu!”.* Trong “Tạp chí Văn học, số 10-2000”, Đinh Phan Cẩm Vân trong bài “**Cái kỳ trong tiểu thuyết truyền kỳ**” đã nhận định: “*Nhìn chung yếu tố “kỳ” tạo nên sức hấp dẫn bề nổi cho câu chuyện và truyền kỳ như được khoác một cái áo sặc sỡ,bắt mắt, nhưng đó là cái áo trong tay nhà ảo thuật*”. Nguyễn Phạm Hùng trong bài “**Tìm hiểu khuynh hướng sáng tác trong Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ**”, khẳng định: “*Tìm hiểu khuynh hướng sáng tác của Truyền kỳ mạn lục là một yêu cầu cần thiết không chỉ đối với việc nhận thức hợp lý và khách quan những phản ánh nghệ thuật của tác phẩm, mà còn đối với sự đánh giá thoả đáng vai trò và vị trí của nó trong tiến trình lịch sử”*. “**Giáo trình Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII**” nhận định: Truyền kỳ mạn lục đã “nâng thể loại truyện ngắn lên một bước phát triển mới, khẳng định những bước đi vững chắc của văn xuôi bên cạnh thơ ca”. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na cho rằng: bằng Truyền kỳ mạn lục, “*Nguyễn Dữ đã phóng thành công con tàu văn xuôi tự sự vào quỹ đạo nghệ thuật: văn học lấy con người làm đối tượng và trung tâm phản ánh*” **(“Đặc điểm văn học trung đại - những vấn đề văn xuôi tự sự”)**. Nhà nghiên cứu Trần Thị Băng Thanh trong lời giới thiệu tác phẩm Truyền kỳ mạn lục đánh giá: “*Về mặt thể loại mà xét thì Truyền kỳ mạn lục là tác phẩm đỉnh cao của truyện truyền kỳ Việt Nam”.*

Gần đây nhất là công trình nghiên cứu khá đầy đủ và công phu về truyện truyền kì nói chung trong đó có *Truyền kì mạn lục* là cuốn ‘**Truyện truyền kì Việt Nam – Đặc điểm hình thái – văn hoá và lịch sử** của Nguyễn Phong Nam. Công trình là một đóng góp lớn khi tìm hiểu truyện truyền kì ở phương thức hình thành, yếu tố linh – quái, giá trị lịch sử - văn hoá và phần nào đề cập đến một số phương diện nghệ thuật của thể loại.

Trên cơ sở những nhận xét đánh giá đó, ở đề tài này chúng tôi tiếp tục đi sâu tìm hiểu và hệ thống hóa các đặc điểm nghệ thuật của *Truyền kì mạn lục* giúp cho việc tiếp cận và lĩnh hội tác phẩm được sâu sắc hơn; cũng như khẳng định những đóng góp của Nguyễn Dữ về thể loại truyền kì cho nền văn học trung đại Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Tác phẩm Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ

- Phạm vi: Đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Góp phần tìm hiểu những đặc trưng, đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm.

- Qua nghệ thuật để hiểu được tư tưởng quan niệm của nhà văn từ đó sẽ có cái nhìn đầy đủ và đánh giá đúng hơn về giá trị của tác phẩm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu như : So sánh, phân tích, thống kê, tổng hợp.

6. Bố cục đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Mục Tài liệu tham khảo, đề tài gồm có hai chương như sau :

**I. Vài nét về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục**

1.1. Tác giả Nguyễn Dữ

1.2. Truyền kì mạn lục – “Áng thiên cổ kì bút” của văn học trung đại Việt Nam

**II. Đặc sắc nghệ thuật Truyền kì mạn lục**

2.1. Cốt truyện

2.1.1 Đơn tích – đa tích

2.1.2 Một số motip

2.2. Kết cấu

2.2.1 Motip truyền thống

2.2.2 Dùng “bạt văn”

2.3. Thủ pháp kể chuyện mượn lịch sử

2.4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

2.5. Ngôn ngữ

2.5.1 Ngôn ngữ bác học

2.5.2 Giàu chất thơ

I. Vài nét về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm *Truyền kì mạn lục*

1.1. Tác giả Nguyễn Dữ

Nguyễn Dữ là người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, tỉnh Hải Dương, nay là thôn Đỗ Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Theo Vũ Khâm Lân, người biên soạn *Bạch Vân am cư sĩ phả ký* và Ân Quang hầu, người biên soạn thơ văn chữ Hán của Nguyễn Bỉnh Khiêm thì Nguyễn Dữ không ra làm quan, ẩn cư ở núi rừng Thanh Hóa và làm ra sách *Truyền kỳ mạn lục.* Sách ấy được Nguyễn Bỉnh Khiêm phủ chính trở thành “ thiên cổ kỳ bút”. Bài tựa Truyền kỳ mạn lục của Hà Thiện Hán viết năm 1547 là tài liệu ghi chép sớm nhất có đoạn: *“ Tập Lục này là trứ tác của Nguyễn Dữ, người Gia Phúc, Hồng Châu. Ông là con trưởng vị tiến sĩ triều trước Nguyễn Tường Phiêu. Lúc nhỏ chăm lối học cử nghiệp, đọc rộng nhớ nhiều, lập chí ở việc lấy văn chương truyền nghiệp nhà. Sau khi thi đậu Hương tiến, nhiều lần thi Hội đỗ trúng tam trường, từng được bổ làm quan Tri huyện Thanh Tuyền. Mới được một năm, ông từ quan về nuôi mẹ cho tròn đạo hiếu, đến mấy năm không đặt chân đến chốn thị thành, thế rồi ông viết ra tập Lục này để ngụ ý”.*

Theo *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, Nguyễn Dữ là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), là bạn học của Phùng Khắc Khoan (1528-1613). Tuy nhiên, theo sự suy luận của Lại Văn Hùng thì: *“Để nói cho vừa phải thì có thể nói Nguyễn Dữ là người có năm sinh xấp xỉ với Nguyễn Bỉnh Khiêm, và có thể kém Nguyễn Bỉnh Khiêm vài ba tuổi”.* Đến năm 1547, Nguyễn Dữ đã mất. Như vậy, Nguyễn Dữ sống vào đầu và giữa thế kỷ XVI. Đây là một thời kỳ lịch sử đầy biến động ở xã hội Việt Nam...

Xung quanh cuộc đời của Nguyễn Dữ còn khá nhiều nghi vấn nhưng căn cứ vào những văn liệu ghi chép lại thì có thể biết rằng: Nguyễn Dữ sinh ra vào khoảng cuối thế kỉ XV và lớn lên vào nửa đầu XVI. Đây là thời kì nhà nước phong kiến Việt Nam đi vào con đường suy yếu đã nhanh chóng trở nên trầm trọng. Những gì mà vua Lê Thánh Tông cố công xây dựng nên đã nhanh chóng sụp đổ từ sau khi nhà Mạc cướp ngôi. Chính sự phiền hà, lòng dân oán hận, quyền thần đánh nhau, “dây máu kinh sử”, chiến tranh loạn lạc khắp nơi đã khiến đời sống nhân dân vô cùng đau khổ. Đứng trước hiện thực như vậy, những nhà nho có khí tiết không thể không tránh khỏi cảm giác chán chường, sụp đổ niềm tin. Không ít người đã từ quan về ở ẩn trong đó có Nguyễn Dữ. Cũng chính vì từ quan về ở ẩn mà ông có nhiều thời giờ để sinh ra một đứa con tinh thần được đánh giá là “thiên cổ kỳ bút” sau này.

1.2. Truyền kì mạn lục – “Áng thiên cổ kì bút” của văn học trung đại Việt Nam

*Truyền kỳ mạn lục* gồm 20 truyện, chia làm bốn tập, mỗi tập năm truyện. Các truyện đều được viết bằng văn xuôi, xen lẫn với văn biền ngẫu và thơ ca. Trừ *Cuộc nói chuyện ở Kim Hoa*, các truyện còn lại đều có lời bình của tác giả. Tác phẩm được đánh giá là một viên ngọc lung linh của thể loại văn xuôi trong văn học trung đại Việt Nam.

Tên gọi *Truyền kỳ mạn lục* cho ta thấy tác phẩm được viết theo thể truyền kỳ. Truyền kỳ là thể loại tự sự ngắn cổ điển của văn học Trung Quốc thịnh hành ở đời Đường. “Kỳ” nghĩa là ảo, không có thật, nhấn mạnh tính hư cấu, thoạt đầu, truyền kỳ mô tả chí quái thời Lục triều, sau phát triển độc lập. Có loại miêu tả cuộc đời biến ảo như mộng, có loại ca ngợi tình yêu nam nữ, có loại miêu tả hào sĩ hiệp khách… *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ có đầy đủ đặc điểm này.

*Truyền kỳ mạn lục* là những câu chuyện kỳ lạ trong dân gian nhưng thực chất mang tính chất phản ánh xã hội đương thời. Khi viết tác phẩm này, Nguyễn Dữ muốn người đời hiểu rằng, công việc ông làm chỉ “mạn lục” những sự việc lạ chứ không phải là một sáng tác thực thụ. Tuy nhiên, khi đọc toàn bộ tập truyện thì sự thực lại không như vậy. Tập *Truyền kỳ mạn lục* mặc dù mang tính chất siêu nhiên hoang đường, nhưng để phục vụ cho mục đích sáng tác của mình. yếu tố kỳ ảo được sử dụng như một phương tiện chuyên chở nội dung.Trong bối cảnh thời đại đầy phức tạp đó, Nguyễn Dữ đã dồn tâm huyết vào xây dựng nên những câu chuyện với mong muốn khuyến thiện, trừ ác, ca ngợi kẻ sĩ đồng thời nói lên khát vọng của con người.

Trước *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, đã có tác phẩm *Thánh Tông di thảo* của Lê Thánh Tông (1442–1497). Đây cũng là tác phẩm mang tính truyền kỳ nhưng so với *Truyền kỳ mạn lục* thì “*cốt truyện không đều, có truyện ly kỳ, lắt léo, có truyện sơ sài*”. Sau đó, trong văn học Việt Nam xuất hiện *Truyền kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm (1705-1748), *Tục truyền kỳ* của Đặng Trần Côn (thế kỷ XVIII), *Tân truyền kỳ lục* của Phạm Quý Thích (1957-1852)… các tác phẩm này đánh dấu sự chín muồi của thể truyền kỳ Việt Nam. Tuy vậy, Truyền kì mạn lục vẫn là tác phẩm được đánh giá cao ở sự hoàn thiện cả về chủ đề tư tưởng đến hình thức nghệ thuật đặc trưng của thể loại truyền kì. *Truyền kỳ mạn lục* chịu ảnh hưởng rất rõ của thể loại chí quái, chí dị. Song “Văn chương chí quái chất phác hồn nhiên, văn chương truyền kỳ thì đã đạt mức trau chuốt bóng bẩy. Tác phẩm chí quái còn sơ sài ngắn ngủi, tác phẩm của truyền kỳ đã hoàn chỉnh, bền bỉ và tiến đến những thể nghiệm ban đầu về hiện thực sinh hoạt của tác giả và bộc lộ những thái độ của họ đối với cuộc sống…”.

Như nhiều truyện truyện truyền kỳ khác ở Việt Nam, *Truyền kì mạn lục* thường có những nội dung không lớn nhưng cũng thể hiện đặc trưng quan trọng của nó: nhân vật ít, sự kiện tập trung, thường chú trọng vào việc hơn là chú trọng vào người, lấy việc mà biểu hiện người, răn người, truyền bá đạo lý ở đời. Với những đặc điểm như trên, *Truyền kì mạn lục* đánh dấu một bước phát triển mới của văn xuôi tự sự trung đại, đồng thời cũng thể hiện tính dân tộc hóa sâu sắc trên con đường tiếp biến từ nền văn học lớn Trung Hoa, góp phần làm phong phú và giàu có hơn nền văn học vốn đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

II. Đặc sắc nghệ thuật *Truyền kì mạn lục*

2.1. Cốt truyện

2.1.1 Đơn tích – đa tích

Cốt truyện được xem là khung sườn của câu chuyện, là toàn bộ những sự kiện có quan hệ với nhau được thông báo cho chúng ta trong quá trình tác phẩm.Với đặc trưng khá phức tạp của thể loại truyền kì, do chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: biến thiên lịch sử, sự va đập của đời sống tôn giáo, tín ngưỡng... mà con đường hình thành nên truyện truyền kì rất đa dạng. Có cốt truyện đơn giản nhưng cũng có truyện khá phức tạp, có truyện đơn tích, có truyện đa tích, được hình thành trên một số motip nhất định.

Xét *Truyền kì mạn lục* ở cốt truyện, có thể thấy phần lớn các tác phẩm được xây dựng bởi cốt truyện đơn tích. *Câu chuyện ở đền Hạng Vương* là cuộc tranh luận giữa quan Thừa chỉ nước Việt đang đi sứ Trung Quốc tên Hồ Tông Thốc với Hạng Vương. Khi Hạng Vương cho rằng hưng vong của một triều đại là do trời định, Hồ Tông Thốc đã phê phán bằng những lời hùng hồn, sắc sảo khiến cho Hạng Vương phải tái mặt không thể đối đáp. Cũng vậy, *Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang* là cuộc tranh luận giữa tú tài họ Viên, Nho sĩ họ Hồ với Hồ Quý Ly mà ở đó tác giả muốn bày tỏ thái độ phê phán đối với vua Trần Phế Đế có thói ham mê săn bắn, không lo đến cuộc sống nhân dân.

Cốt truyện đa tích có “*Nam Xương nữ tử truyện*”, “*Nghiệp oan của Đào thị*”, “*Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*”. Ở truyện đa tích thường gồm có hai tích truyện được nối với nhau bằng hai đoạn tưởng như không liên quan nhưng thật ra lại là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. “Nghiệp oan của Đào thị” kể về cuộc đời đầy bi thương của Đào thị khi làm người cũng như làm ma. Tình duyên lỡ làng, kiếm tìm hạnh phúc nhọc nhằn trong kiếp “tài hoa bạc phận” nhưng vẫn cố vẫy vùng đấu tranh dầu phải chịu nhiều cay đắng. Tích truyện thứ nhất nói về nỗi oan tình Hàn Than khi vua mất bị thải ra ngoài phố, rồi bị vợ quan hành khiển ghen tuông đánh đập. Vì tức tối, Hàn Than thuê thích khách trả thù nhưng bị bại lộ đành tìm đến chùa ẩn tích. Đến chùa, bén duyên với sư Vô kỷ quên cả kinh kệ nhưng sau phải chết sớm vì mang thai ốm đau lay lắt. Sư Vô Kỷ sau đó đau buồn chết theo, cả hai làm ma quyết đầu thai để trả thù oan nghiệp ngày trước. Tích thứ hai được nối vào bằng câu chuyện của gia đình Nguỵ Nhược Chân với việc bà vợ mơ thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn rồi hạ sinh được hai người con trai. Nhưng sau đó, hai đứa con trai bị sư Pháp Vân dùng thuật yểm diệt trừ bèn nhảy xuống giếng chết. Câu chuyện có sự kết dính với tích trước đó bằng việc hai người con trai trước khi chết có than thở rằng *giá chậm độ mấy tháng nữa thì công việc xong, không ngờ bị kẻ cuồng tăng làm hại*. Đây chính là oan hồn của Hàn Than và Vô Kỷ . Tích thứ hai mở thêm diễn tiến mới cho câu chuyện càng nhấn mạnh sự bi đát cho số phận Hàn Than, dù làm người hay làm ma cũng bị đày đoạ, dẫu cố quẫy đạp đấu tranh vẫn không thắng được định mệnh oan nghiệt.

Với “Nam Xương nữ tử truyện”, các tích truyện được nêu khá rõ. Tích truyện thứ nhất nói về thân phận của người đàn bà hiền thục ở trang Vũ Điện, huyện Nam Sang, tên Vũ Thị Thiết. Vì bị chồng kết tội oan ngoại tình nhưng không thể biện minh, đành gieo mình xuống sông mà chết. Tích truyện thứ 2 được nối ghép kể về chuyện Phan Lang do làm điều thiện mà được thần nhân báo đáp. Con rùa được Phan Lang phóng sinh chính là thần linh phi ở biển Nam đã cứu giúp chàng khi cùng cả làng chạy loạn rồi bị đắm thuyền. Khi xuống long cung, chàng đã gặp được Vũ Thị Thiết – người cùng làng xưa kia nay là hầu cận của phu nhân Nam Hải. Vũ Thị nhờ Phan Lang chuyển nỗi oan tình đến chồng cùng chiếc thoa làm tín vật. Nhận ra kỉ vật của vợ, chàng Trương hiểu ra sự tình, lập đàn tràng 3 ngày gặp lại vợ nhưng kẻ âm dương cách biệt, hiểu rõ tấc lòng âu cũng thoả tâm can, Vũ Thị Thiết xuất hiện trong kiệu hoa giữa dòng nước lúc ẩn lúc hiện rồi biến mất. Như vậy, cốt truyện thứ hai về Phan Lang nếu xét riêng vẫn có thể tồn tại độc lập như một đơn vị tác phẩm có nhân vật, sự kiện, diễn biến, kết thúc, song đặt vào trong sự ghép nối với tích truyện thứ nhất đã thể hiện dụng ý của Nguyễn Dữ. Một mặt, tích thứ hai làm hoàn thiện về đặc trưng thể truyền kì với tính kì, ảo cho câu chuyện; mặt khác là cách Nguyễn Dữ giải quyết bi kịch cho nhân vật mình. Người chết cũng không thể sống lại được nhưng nỗi oan tình cần phải rửa, tác giả muốn lên tiếng bảo vệ cho người phụ nữ, phần nào lên án sự khắc nghiệt mà xã hội xưa áp đặt lên họ. Người đàn ông được khép tội, được định đoạt tất cả, quyền sống và cả cái chết đối với người phụ nữ và trong hoàn cảnh xã hội như thế, người phụ nữ chỉ có thể lấy cái chết để giải oan. Dù xoa dịu phần nào cho người đọc nhưng kết cục vẫn là bi kịch đau lòng.

2.1.2 Một số motip

Ngoài ra, để xây dựng nên cốt truyện truyền kì, Nguyễn Dữ đã sử dụng một số motip có từ văn học dân gian: người chết sống lại, người gặp ma quái, báo mộng, duyên kì ngộ...Ở truyện có motip người chết sống lại thì khi đi xuống âm phủ, linh hồn những nhân vật này tạm thời rời khỏi thể xác, sau chuyến “chu du”, chúng lại trở về. Trong “*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”*, Ngô Tử Văn, sau cuộc đấu tranh ở Minh ti, về đến nhà mới “*té ra mình đã chết được hai ngày rồi*”, Thái thú họ Trịnh nhờ Long Hầu đưa xuống Thủy cung kiện thần Thuồng luồng và đòi được vợ về (*Chuyện đối tụng ở Long cung*). Mô hình cốt truyện này được xây dựng theo kiểu: đấu tranh căng thẳng – nhờ người chứng thực – vạch rõ sự thật – thắng kiện – trở về trần gian. Như ở *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên,* khi cuộc đối chất đang diễn ra căng thẳng giữa Ngô Tử Văn và hồn ma Bách Hộ họ Thôi thì theo lời mách bảo của Thổ thần, chàng đã xin tư giấy đến đền Tản Viên chứng thực mà được thắng kiện. Với *Chuyện đối tụng ở Long cung* thì nhờ lời khai của Dương thị - người bị thần Thuồng luồng bắt làm vợ mới vạch rõ được sự giả dối và tội ác của giống ma quái. Trong những cuộc đấu tranh này, phần thắng luôn thuộc về con người. Nhân vật đứng ra xét xử trong những sự kiện này thường là vua. Đó có thể là Diêm Vương của chốn âm ti, Long Vương dưới thủy cung, và cũng có thể là vua trên mặt đất. Qua những câu chuyện trên, Nguyễn Dữ nhằm biểu dương tinh thần thẳng thắn, cương trực của kẻ sĩ, dám lên tiếng chống lại những điều trái luân thường đạo lý, dù có lúc phải chịu cảnh bị hàm oan song kết cục vẫn giành thắng lợi. Đồng thời, qua câu chuyện ở cõi âm, tác giả muốn phản ánh hiện thực cõi dương bấy giờ, vua quan lộng quyền, nhiễu hại nhân dân. Người đứng đầu – vua đôi khi bị che mắt mà không phận định đúng sai để cái ác hoành hành đắc thế. Nhưng khi có kẻ sĩ dám vạch tội, vua liền phân xử phân minh trả lại công bằng cho người tốt. Với *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ không chỉ phản ánh mà còn có ý kín đáo nhắc nhở vua quan, kẻ sĩ bấy giờ.

Trong xu thế có phần ngược lại là kiểu cốt truyện *ma quái ở cõi âm dụ dỗ, mê hoặc kẻ sĩ ở cõi dương gây ra bao cuộc tình oan trái*. Môtip này có lẽ được phát triển từ môtip “duyên kì ngộ” trong văn học dân gian. Trong môtip này, ma quái thường hóa thành những cô gái xinh đẹp quyến rũ nhân vật người là các chàng trai (*Chuyện cây gạo*, *Chuyện yêu quái ở Xương Giang*, *Chuyện kì ngộ ở trại Tây*…). Nữ yêu tinh không rõ xuất tích từ đâu đến châu Mai hóa thành một người con gái xinh đẹp xin vào làm con hát. Anh lái buôn Trình Trung Ngộ bị hồn ma Nhị Khanh theo đuổi, bắt phải chết theo làm yêu quái (*Chuyện cây gạo*). Chàng nho sinh Hà Nhân (*Chuyện kì ngộ ở trại Tây*) bị hai hồn hoa quyến rũ mê mải trong cuộc ân ái ở trại Tây. Nhóm tác phẩm viết về chuyện tình giữa người và nhân vật ma quái có một cốt truyện vừa lãng mạn vừa ly kì, quái đản. Có thể khái quát mô hình cốt truyện của nhóm truyện này như sau: một chàng trai gặp mỹ nhân - mời nàng về nhà ái ân - có người biết chuyện cảnh báo, chàng đi tìm tung tích người tình - phát hiện mình dan díu với ma quái. Các hồn ma bị yểm bùa, tiễu trừ. Nhóm truyện này có thể có sự học tập cốt truyện nước ngoài nhưng Nguyễn Dữ luôn có ý thức sáng tạo dựa vào tài năng của tác giả và vốn văn học dân tộc nên có những biến tấu phù hợp với đặc điểm tính cách, tâm hồn người Việt và phản ánh những vấn đề vốn của xã hội Việt Nam bấy giờ. Những kẻ sĩ vốn rất si tình, dẫu biết yêu ma vẫn yêu say đắm và thường có kết cục bi đát do không vượt qua được cửa ái tình. Nhân vật nữ yêu trong các truyện luôn khát tình và rất phóng khoáng khi thể hiện điều này *“Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kẻo một sớm chết đi, sẽ thành người của suối vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc ái ân, cũng không thể được nữa”.* Những cốt truyện như vậy phần nào đã thể hiện tư tưởng của nhà văn khi nêu cao nhu cầu được sống, được hạnh phúc của người phụ nữ cũng là tiếng nói phản kháng với những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến.

Có thể thấy từ cách xây dựng cốt truyện, *Truyền kì mạn lục* có kế thừa những yếu tố của văn học dân gian song với kết cục thường không có hậu của nó, nhà văn đã có sự sáng tạo, phát triển khi đưa thể loại truyền kì gần hơn với thể loại văn xuôi tự sự thời hiện đại. Đây chính là đóng góp của thể loại truyền kì trong sự phát triển của nền văn xuôi trung đại cũng là điểm đặc sắc làm nên nét độc đáo ở *Truyền kì mạn lục.*

2.2. Kết cấu

2.2.1 Motip truyền thống

Kết cấu là sự tổ chức, sắp xếp các thành tố của văn bản thành một đơn vị hoàn chỉnh, thống nhất và có ý nghĩa. Thông thường kết cấu của văn bản truyền kì được triển khai theo mô hình: mở đầu là giới thiệu lai lịch, tính cách, sau đó nêu sự kiện – diễn biến – mâu thuẫn – giải quyết, kết thúc truyện bằng việc chính nghĩa thắng gian tà. Song trong khi triển khai câu chuyện, Nguyễn Dữ đã tạo ra kịch tính tăng dần bằng các mở - thắt nút bất ngờ. *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* là một câu chuyện có kiểu kết cấu quen thuộc mà vẫn đầy kịch tính với những tình tiết hấp dẫn được đẩy lên cao dần. Là một người khẳng khái, thấy sự gian tà thì không thể chịu được, khi biết ngôi đền có tiếng là linh ứng giờ đây lại có yêu quái quấy nhiễu, Tử Văn đã châm lửa đốt đền. Đốt đền xong, Tử Văn quả thật bị một cơn sốt nóng sốt rét và trong cơn mê, chàng thấy hồn ma Bách hộ họ Thôi đến đe dọa, đòi chàng dựng trả đền nếu không sẽ kiện chàng ở âm phủ. Mâu thuẫn phát triển đến cao trào và kịch tính cũng được đẩy lên cao nhất với sự việc Tử Văn bị bắt xuống âm cung và ở đây, Bách hộ họ Thôi đã đến trước và vu khống chàng với Diêm Vương. Cuộc đối đầu giữa Tử Văn và Bách hộ họ Thôi lúc bấy giờ là cuộc đối đầu trực tiếp, đầy căng thẳng, quyết liệt. Khi mâu thuẫn được đẩy lên đỉnh điểm cũng là lúc mâu thuẫn được tháo gỡ. Đó là lúc xin tư giấy đến đền Tản Viên chứng thực,Tử Văn được thắng kiện và phong chức phán sự thực hiện công lí, bảo vệ dân lành.

Ngoài những câu chuyện có cốt truyện đơn tích như đã nêu ở trên, phần lớn ít sự kiện, nhân vật, ngắn gọn và nêu nội dung khá đơn giản thì một số truyện trong *Truyền kì mạn lục* có kết cấu khá phức tạp, giàu kịch tính. Các sự kiện trong truyện nối tiếp nhau, xây dựng các mâu thuẫn xung đột ngày một cao để đẩy đến cao trào và “tháo nút” như đặc điểm chung của loại hình tự sự trung đại. Cũng đi theo công thức quen thuộc như nhiều truyện truyền kì, “*Nam Xương nữ tử truyện*” mở đầu bằng việc giới thiệu về nhân vật và tình huống dẫn đến mâu thuẫn chính. Mâu thuẫn bắt đầu với việc Trương Sinh trở về, nghe lời con trẻ mà nghi ngờ lòng chung thủy của vợ. Kịch tính càng lúc càng tăng cao với mối nghi ngờ ngày càng lớn của Trương Sinh. Đỉnh điểm của nó chính là việc không minh oan được cho mình, Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn. Sự việc chưa dừng lại tại đây bởi mâu thuẫn chưa được giải quyết triệt để và cuộc gặp gỡ với Vũ thị dưới long cung chính là lời hoá giải cho các thắt nút trên.

Dù chưa đạt được kết cấu hiện đại theo kiểu truyện ngắn, tiểu thuyết sau này nhưng nhìn chung, dù cho rằng chỉ “mạn lục” những câu chuyện trong dân gian, triển khai câu chuyện theo trình tự tuyến tính nhưng với tài năng, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên nhiều sự kiện, chi tiết làm nên kết cấu khá độc đáo và chuyển tải sâu sắc nội dung tác phẩm.

2.2.2 Dùng “bạt văn”

Trong kết cấu truyện truyền kì nói chung cũng như *Truyền kì mạn lục* nói riêng, có khá nhiều trường hợp cuối mỗi tác phẩm thường có lời phụ chú, phụ giải được cho là lời bình sau mỗi câu chuyện. Đây được xem là hiện tượng “bạt văn” trong truyện truyền kì. “Bạt” tức là nối dài, phát triển tiếp những ý từ, cảm xúc đã thể hiện trong tác phẩm.

Ở *Truyền kì mạn lục*, qua khảo sát có thể thấy 19/20 truyện là có lời bình (trừ Kim Hoa thi thoại ký). Tính ổn định, thống nhất ở đây cho thấy “bạt văn” trong *Truyền kì mạn lục* không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Mỗi lời bình đều có ý nghĩa nhất định khi định hướng quan điểm, tư tưởng cho người đọc về ý nghĩa của câu chuyện. Dung lượng của nó khá ngắn gọn (khoảng từ 5-6 dòng) diễn đạt theo khuôn mẫu, bắt đầu bằng “Than ôi!”, tiếp đến là lược nội dung và cuối cùng là lời khuyên, lời đánh giá... . Kết thúc “*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”* có lời bình: *Than ôi! Người ta vẫn nói: "Cứng quá thì gẫy". Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gẫy hay không là việc trời. Sao nên đoán trước là sẽ gẫy mà chịu đổi cứng ra mềm! Ngô Tử Văn là một anh chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên dám đốt cháy đền tà, chống cãi yêu quỷ, một lần ra tay mà mối hận của cả thần và người đều được rửa. Nhân thế nức tiếng mà được giữ chức vị ở Minh tào, thật là xứng đáng. Vậy là kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.* Lời bình đã nói lên lời răn về nhân cách của kẻ sĩ, con người chân chính không nên uốn mình, phải sống cương trực, ngay thẳng. Sự cứng cỏi, lòng can đảm tr­ước những cái xấu, cái ác là thái độ ứng xử tích cực cần được coi trọng.

Cũng motip đó, trong *Chuyện cây gạo* là lời “*Than ôi cái giống ma quỷ, tuy từ xưa không phải cái nạn đáng lo cho người thiên hạ, nhưng kẻ thất phu đa dục thì thường khi mắc phải. Trung Ngộ là một gã lái buôn không có tri thức, không đủ trách vậy. Vị đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này, phải nên biết đến. Không nên lấy cớ huyễn thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị đoan mà dìm mất cái hay, ngõ hầu mới hợp cái ý nghĩa người quân tử trung hậu đối với người khác”*. Song nếu so các lời bình thường thấy ở các truyện trong Truyền kì mạn lục thì ở “Chuyện cây gạo” ngoài việc răn dạy kẻ sĩ, nêu gương người tốt thì lời bình phần nào còn thể hiện quan niệm của tác giả về truyện truyền kì.

Hiện tượng “*bạt văn*” được sử dụng khá hiệu quả trong truyền kì mạn lục khi nhấn mạnh thêm giá trị nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Tính nhất quán trong các lời bình đã cho thấy một điều rằng, lời bình cũng là một phần của cốt truyện, giúp lưu lại nhiều cảm xúc, suy nghĩ nơi người đọc.

2.3. Thủ pháp kể chuyện mượn lịch sử

Đặc trưng của truyền kì chính là ở tính kì, ảo với nhiều chi tiết hoang đường nhưng để không rơi vào lối truyện hư huyễn, các tác giả đã cung cấp cho nó thêm giá trị hiện thực bằng cách tăng cường các sự kiện, nhân vật mang tinh thần lịch sử. Và *Truyền kì mạn lục* cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Cái sự thật lịch sử ở đây không nhằm phản ánh cái lõi lịch sử như kiểu truyền thuyết mà việc dẫn ra các yếu tố lịch sử, tác giả nhằm củng cố niềm tin cho người đọc về chuyện vốn có thật. Từ niềm tin ắt sẽ dẫn đến sự chiêm nghiệm sâu xa về những gì đã qua và những gì đang diễn ra trong thời đại bấy giờ.

Những yếu tố lịch sử được mượn khá cụ thể, chi tiết, rất xác thực song nếu ứng chiếu vào thời đại trong mối quan hệ với nhân vật thì không có cơ sở. Dẫn như truyện “*Khoái Châu nghĩa phụ truyện*”, có đoạn cuối khi Nhị Khanh hiện về báo mộng cho Trọng Quỳ ngay tại miếu thờ bên cầu rằng nên khuyên hai con chăm lo nghiệp đèn sách để sau này theo nghiệp vị chân nhân họ Lê, từ miền Tây Nam xuất hiện. Trọng Quỳ nghe làm theo và “*Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội. Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu”.* Đặt cuộc đời nàng Nhị Khanh trong bối cảnh lịch sử có thật như vậy, khiến câu chuyện có phần xác thực. Đó là cuộc đời của người phụ nữ đầy bất hạnh nhưng đã được đền đáp xứng đáng bằng việc sau khi chết được thành thần tiên coi sóc văn tấu ở đền Trưng Vương. Tác phẩm là tiếng nói xót thương cho thân phận người phụ nữ đồng thời là cách nhà văn bênh vực và an ủi phần nào cho bi kịch của họ trong hôn nhân – cuộc đời. Đây phải chăng là điều tác giả muốn nói qua câu chuyện mà việc mượn lịch sử sẽ giúp người đọc tin rằng nhân vật Nhị Khanh không phải là sản phẩm hoàn toàn của sự hư cấu huyễn hoặc mà đó còn là bóng dáng của con người trong mọi thời đại - của quá khứ xưa và cả hiện tại này. Nhưng có là thời nào số phận của họ cũng đầy nỗi bi đát, thương tâm.

Lối “mượn lịch sử”, “giả mạo lịch sử” cũng được phát huy khá hiệu quả trong “Tây viên kỳ ngộ ký”. Câu chuyện tình thấm đẫm tính lãng mạn, li kì của chàng Hà Nhân hào hoa với hai hồn hoa liễu, đào sẽ chỉ là chuyện tưởng tượng như bao chuyện cổ tích huyền thoại khác nếu tác giả không đặt nó trong không gian lịch sử có thật. Ngay từ đầu, Nguyễn Dữ đã cố tình thông tin về nhân vật trong “phông nền lịch sử” như “*Hà Nhân, người học trò quê ở Thiên Trường, khoảng năm Thiệu Bình ngụ ở kinh sư để tòng học cụ Ức Trai. Mỗi buổi đi học, đường tất phải qua phường Khúc Giang. Trong vườn có cái trại, gọi là trại Tây, dinh cơ cũ của quan Thái sư triều Trần”.* Việc dẫn lịch sử một mặt tạo hiệu ứng tâm lý cho người đọc mặt khác là cách Nguyễn Dữ khơi gợi lịch sử dưới góc nhìn mới. Nơi trại Tây mà chàng nho sinh gặp hai hồn hoa được tả khá đẹp, nhiều tường rào phong kín nhưng ảm đạm, mờ nhoà *Khi đến trại Tây, qua mấy lần rào, quanh một đoạn tường, đi ước mấy chục trượng thì đến một cái ao sen; hết ao lại là khu vườn, cây cối xanh tươi, mùi hoa thơm ngát, nhưng ở dưới bóng đêm lờ mờ, không nhận rõ được hoa gì, cây gì cả, chỉ thấy mùi hương lúc lúc thoảng tới.* Cảnh dẫu đẹp nhưng chỉ là dấu tích của những thăng trầm mà chủ nhân nó - Ức Trai để lại. Vụ án tru di tam tộc trong lịch sử dân tộc bỗng sống lại trong kí ức của triệu người Việt. Phải chăng vì nỗi hưng phế bao ngày tháng bị bỏ quên mà oan hồn không được siêu thoát vướng vào cây hoa trong khu vườn này với mong ước vớt vát chút hạnh phúc đời người. Như thế đến với câu chuyện, người đọc được đón nhận nhiều hơn từ cốt truyện tình yêu éo le giữa ba người. Những kí ức lịch sử được sống lại vừa làm căn cứ cho việc chuyển tải nội dung vừa tạo ra một kênh liên tưởng, cảm nhận lại lịch sử trong mỗi người.

Không khó để chỉ ra những thông tin có liên quan đến địa điểm, niên đại, nhân vật liên quan đến lịch sử trong các câu chuyện trong “Truyền kì mạn lục”. Với “Từ Thức tiên hôn lục” có đoạn viết: *Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hoá Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm Tri huyện Tiên Du”..* Có khi, lời kể của nhân vật cũng phải đạt độ chân xác như *“Thuở bé, tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi”*. Hay trong truyện “*Bữa tiệc đêm ở Đà giang*” qua câu chuyện giữa cáo và vượn đã thành tinh bàn về vua Hồ Quý Ly, ta nhận thấy những dấu ấn lịch sử được dẫn khá cụ thể, chi tiết: “*Năm Bính Dần (1386), vua Trần Phế đế đi săn, đỗ lại trên bờ bắc sông Đà, đêm mở bữa tiệc ở trong trướng”.* Lịch sử được dẫn nhưng không hoàn toàn mà chỉ là những mảnh vụn nhỏ, đặt trong mạch truyện không phải để nói chuyện lịch sử mà là để tác giả phản ánh hiện thực. Do vậy, sẽ không quá nếu nói truyện truyền kì là “phiên bản” của lịch sử, là “kí ức văn hoá cộng đồng”, một kênh lịch sử khác tồn tại bên cạnh lịch sử chính thống một cách sinh động, giàu ý nghĩa.

Có thế thấy, việc *mượn lịch sử, giả mạo lịch sử* không chỉ khiến câu chuyện thêm phần hấp dẫn mà là một phương thức để Nguyễn Dữ chuyển tải nội dung, tư tưởng một cách độc đáo trong “Truyền kì mạn lục”.

2.4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

Thế giới nhân vật trong *Truyền kì mạn lục* khá đặc biệt vừa là người vừa là yêu, ma, quỷ quái. Phần lớn lại là các ma nữ, dù đã thuộc cõi âm nhưng vẫn vương vấn trần gian, dan díu với các chàng nho sinh và gây nên bao cuộcc tình oan trái. Đó là Nhị Khanh trong “Chuyện cây gạo” mê hoặc chàng Trình Trung Ngộ mong thoả nỗi khao khát hạnh phúc trần ai ngắn ngủi; là yêu quái Xương Giang vốn là cô gái bị đánh đập vì ghen tuông đến chết oan rồi thành yêu dụ dỗ viên quan họ Hoàng.; là hai nàng Đào, Liễu vốn là những hồn hoa nhưng không sao dứt bụi trần khi tìm mọi cách quyến rũ chàng Hà Nhân mải mê trong tình ái. Xây dựng những nhân vật yêu ma trong tác phẩm, Nguyễn Dữ cố đi tìm số phận cho những người phụ nữ tài hoa và nói lên khát vọng hạnh phúc mãnh liệt ở họ. Mượn cõi âm để nói cõi dương chính là cách phản ánh hiện thực trong đó có nói đến số phận con người (đặc biệt là người phụ nữ) của Nguyễn Dữ trong tác phẩm này.

Cách xây dựng nhân vật trong *Truyền kì mạn lục* thường là những lời giới thiệu ngắn gọn ngay từ đầu tác phẩm: quê quán, lai lịch, xuất thân, gia đình, tính cách. Đây là kiểu xây dựng nhân vật giống với văn học dân gian. Đặc biệt, các nhân vật được định hướng ngay từ đầu cho những hành động về sau như chàng Ngô Tử Văn tính tình vốn khảng khái, thấy chuyện bất bình là không chịu được từ đó dẫn đến việc đốt đền cũng như đấu tranh với tên Bách Hộ họ Thôi sau này để giành công lí. Là nàng Nhị Khanh được giới thiệu *“khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền”.* Hay “*nàng Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương (1). Người đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp”.* Nhờ vậy mà nhân vật được khắc sâu ấn tượng ngay từ đầu và những việc làm, hành động, diễn tiến câu chuyện về sau là sự minh chứng thể hiện cho những phẩm chất này.

Bằng những tình tiết chọn lọc, từ những nhân vật trong truyện dân gian, Nguyễn Dữ xây dựng nên những nhân vật mang diện mạo tính cách riêng, có cuộc sống riêng và có những nhân vật được khắc họa rất ấn tượng, trở thành nhân vật điển hình của văn học trung đại. Nàng Nhị Khanh trong *Chuyện người nghĩa phụ Khoái Châu* được xây dựng như hình mẫu của một nghĩa phụ theo quan niệm xã hội xưa bằng nhiều chi tiết chọn lọc tinh tế. Khi Trọng Quỳ phải theo cha đi trấn thủ nơi xa, thấy chàng có ý bịn rịn, quyến luyến, nàng lấy đạo cha con, nghĩa vợ chồng để khuyên nhủ; chồng ra đi nhiều năm trời không tin tức, nhiều kẻ mang vàng bạc đến cầu thân, cô nàng khuyên nàng “bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe”, nàng sợ hãi quên ăn mất ngủ. Vì lòng chung thủy với chồng, nàng chủ động nhờ người bõ già lặn lội đường xa dò hỏi tin chồng, nhờ vậy gia đình đoàn tụ. Nhưng chồng nàng vì thua bạc mà bán nàng cho Đỗ Tam, không thể chịu được sự phụ bạc của chồng, nàng chọn cho mình cái chết như một lẽ tất yếu. Thế nhưng, dẫu chết rồi tình yêu thương chồng con vẫn vẹn nguyên, vậy nên khi chồng có ý hối hận, nàng lại trở về tha thứ cho chồng, hướng chí cho con.

Nàng Thị Nghi trong Chuyện yêu quái ở Xương Giang cũng cùng một tính cách mạnh mẽ, dữ dội như thế. Dường như để trả thù trước cái chết oan uổng của mình, hồn Thị Nghi hưng yêu tác quái, biến huyễn đủ vẻ, ngay cả khi bị đào mả vứt hài cốt rồi, hồn nàng vẫn tìm về cõi trần, kết duyên vợ chồng với viên quan họ Hoàng. Khi hạnh phúc đời thường nàng đang có có nguy cơ lung lay trước người thuật sĩ, nàng cố công bảo vệ bằng việc lấy gậy đập vỡ chai thuốc, mắng người ấy “Anh chàng huyễn thuật này ở đâu đến đây ly gián vợ chồng ta, chia rẽ nhà cửa ta”.

Nhân vật trong các truyện truyền kì phần lớn có tính cách đơn giản, mộtchiều. Tính cách đó được bộc lộ qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật. Đây là điểm khiến cho truyền kì gần với văn học dân gian hơn là văn học hiện đại. Dù không thật đậm nét song khi xây dựng nhân vật, các tác giả truyền kì đã chú ý thể hiện tính cách nhân vật qua những đoạn đối thoại hoặc đôi khi là lời độc thoại. Lời nàng Vũ Nương (Chuyện người con gái Nam Xương) khi phân trần cùng chồng rõ ràng là lời của một phụ nữ coi trọng phẩm tiết, hết lòng thủy chung, lời của Nhị Khanh (Chuyện cây gạo) thì táo bạo, phóng túng “*Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kẻo một sớm chết đi, sẽ thành người dưới suối vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc ái ân, cũng không thể được nữa.*

Nội tâm nhân vật có khi được thể hiện qua lời miêu tả trực tiếp của tác giả có khi được thể hiện qua những bài thơ, bài ca... do nhân vật ngâm đọc. Nỗi niềm thương nhớ gia hương của Từ Thức (Chuyện TừThức lấy vợ tiên) khi đang sống ở cõi tiên đã được Nguyễn Dữ khắc họa bằng những câu văn nhiều hình ảnh và gợi cảm: “*Từ khi bỏ nhà đi, thấm thoát đã được một năm, ao sen đã thay màu biếc. Những đêm sương sa gió thổi, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một nỗi buồn bâng khuâng, quấy nhiễu không sao ngủ được...*”

Dù vẫn mang các yếu tố của văn học dân gian nhưng cái đặc sắc của *Truyện kì mạn lục* trong cách xây dựng nhân vật là ở chỗ nhà văn đã bắt đầu khai thác yếu tố nội tâm ở nhân vật. Nếu nhân vật trong văn học dân gian là kiểu nhân vật chức năng, nhân vật của hành động thì trong truyện truyền kì đã có những biểu hiện tâm lí, đây chính là cơ sở cho việc xây dựng nhân vật trong nền văn xuôi hiện đại.

2.5. Ngôn ngữ

2.5.1 Ngôn ngữ bác học

Ngôn ngữ truyện truyền kì thật sự là ngôn ngữ bác học với lời văn trau chuốt, sử dụng những câu văn có tính chất biền ngẫu với những vế đối nhau, lời văn có hình ảnh, dùng nhiều từ ngữ Hán Việt trang trọng. Lời khấn của nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương trước khi nhảy sông Hoàng Giang tự tử cũng được xây dựng bằng những câu văn có những vế đối nhau: *“Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm chodiều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.* Cách sử dụng vế đối trong lời khấn của nhân vật gây ấn tượng cho người đọc về một người phụ nữ tuy xuất thân là “con nhà kẻ khó” nhưng là người có học thức, biết lễ nghĩa; hơn nữa, các vế câu đối nhau tạo nhịp điệu cân phân trong lời độc thoại của nhân vật càng nhấn mạnh thêm tâm sự cũng là làm nổi bật thêm tấm lòng trinh bạch của nàng.

Một nội dung được đề cập khá nhiều trong *Truyền kì mạn lục* là tình yêu nam nữ. Đây được xem vấn đề khá nhạy cảm trong văn học trung đại khi nêu cao tính quy phạm trong sáng tác. Để tả cảnh ân ái, nồng nạn của đôi nam nữ, Nguyễn Dữ đã khá tinh tế khi sử dụng ngôn ngữ giàu chất trữ tình, hoa mĩ vừa để đảm bảo tính thanh nhã theo thi pháp văn chương trung đại vừa có khả năng khơi gợi những khao khát, cảm xúc chân thật của con người. Nhờ vậy, dù nói về chuyện ân ái hoan lạc nhưng lời văn vẫn tế nhị, kín đáo và người đọc vẫn hoàn toàn hiểu được. Chẳng hạn như ở các truyện Chuyện cây gạo, Chuyện kì ngộ ở trại Tây: “*Nay dám mong quân tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khí nóng tới mầm khô, khiến cho tía rụng hồng rơi, được trộm bén xuân quang đôi chút...” (Chuyện cây gạo).* Hay là đoạn hai nàng Liễu, Đào nói với Hà Nhân về chuyện ái ân: *“Chúng em việc xuân chưa trải, nhụy thắm còn phong, chỉ e tình hoa run rẩy, tơ liễu điên cuồng, oán lục thẹn hồng, làm giảm thú phong lưu đi mất”.*

2.5.2 Giàu chất thơ

Tính nghệ thuật trong ngôn ngữ truyện ngắn truyền kì còn thể hiện qua việc kết hợp giữa văn xuôi và văn vần. Tuy thuộc loại hình tự sự, rất nhiều truyện ngắn truyền kì lại có sự góp mặt của không ít các câu thơ, bài thơ, từ. Những bài thơ, từ này có khi là của các nhân vật trong truyện sáng tác, xướng họa cùng nhau, có khi là của người kể chuyện xen vào thể hiện sự đánh giá của mình về đối tượng được kể. Trong 20 truyện của Truyền kì mạn lục có 12 truyện như thế.

Số lượng những bài thơ được xen vào trong mỗi truyện không giống nhau; ít thì bốn câu, một, hai bài; nhiều thì có khi lên đến hàng chục bài như *Chuyện nghiệp oan của Đào thị* ; *Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa*, *Chuyện kì ngộ ở trại Tây*. Bằng việc xen thơ, từ vào trong truyện ngắn của mình, Nguyễn Dữ có thể đi sâu vào miêu tả nội tâm nhân vật thông qua các bài thơ đó, bên cạnh đó, tính cách riêng của nhân vật cũng được khắc họa rõ nét, sinh động và chân thật hơn. Tả cảm giác sung sướng tột cùng của đôi nam nữ Hàn Than – Vô kỷ, không cần phải dùng lời văn kể lể chi li, những câu thơ như thế này hiển nhiên đã cho thấy rõ nỗi niềm nội tâm của nhân vật, không những sâu sắc mà còn rất thật bởi đây là lời hoạ thơ của chính nhân vật trong truyện:

*Lá núi*

*Lưng không bát ngát bốn bề,  
 Thu sang ngập úa, xuân về rợp xanh.  
 Chim kêu ríu rít đầu cành,  
 Tà dương bóng ngả chênh chênh ngàn đoài.*

Một điểm đáng lưu ý là, trong những câu chuyện tình yêu nam nữ, nhà thơ thường để nhân vật, lại là nhân vật nữ, tả lại cảnh hoan lạc chốn buồng khuê bằng những bài thơ. Điều đó cho thấy sự táo bạo, ý thức chống đối lại trật tự, lề thói xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Cuộc hoan lạc của Trình Trung Ngộ và Nhị Khanh trong *Chuyện cây gạo* đã được Nhị Khanh ghi lại bằng hai bài thơ, trong đó có bài:

“*Giấc xuân mê mệt chốn hoang liêu,*

*Bỗng sượng sùng thay cuộc ấp yêu*

*Măng ngọc vuốt ve nghiêng xuyến trạm*

*Dải là cổi tháo trút hài thêu.*

*Mộng tàn gối bướm bâng khuâng lạc*

*Xuân hết cành quyên khắc khoải kêu*

*Đồng huyệt chưa tròn nguyền ước ấy*

*Vì nhau một thác sẵn xin liều.*

Nhiều bài thơ trong các truyện ngắn truyền kì không chỉ nhằm làm tăng tính chất trữ tình của truyện đồng thời cũng cho thấy một bước tiến mới trong nghệ thuật tự sự trung đại khi các tác giả không chỉ đơn thuần ghi chép sự kiện mà còn chú ý đến đời sống riêng, diễn biến tâm lí của nhân vật, điều này đã *đưa loại hình tự sự Việt Nam thời trung đại đến gần hơn với hiện đại.*

KẾT LUẬN

Dẫu nhiều thế kỉ trôi qua thế nhưng truyện truyền kì mạn lục vẫn có sức hấp dẫn đặc biệt với độc giả. Cũng như nhiều truyện truyền kì khác, *Truyền kì mạn lục* có sự kết hợp, va đập của nhiều yếu tố: lịch sử - văn hoá – tôn giáo – tín ngưỡng, giữa hiện thực – huyền ảo. Tác phẩm không dùng để nói chuyện hoang đường, xa lạ mà là của hiện thực phong kiến lúc bấy giờ và trung tâm chính là số phận của con người trong khát vọng về tình yêu – hạnh phúc, về công lí, đạo đức và cả những vấn đề nhân sinh. Để chuyên chở tất cả nội dung trên, Nguyễn Dữ đã huy động một hệ thống những yếu tố nghệ thuật đặc sắc để tạo nên đỉnh cao của thể loại truyền kì.

*Truyền kỳ mạn lục* là tập truyện có nhiều thành tựu nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật. Nó vượt xa những truyện ký lịch sử vốn ít chú trọng đến tính cách và cuộc sống riêng của nhân vật, và cũng vượt xa truyện cổ dân gian thường ít đi sâu vào nội tâm nhân vật. Tác phẩm kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tài tình những phương thức tự sự, trữ tình và cả kịch, giữa ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác giả, giữa văn xuôi, văn biền ngẫu và thơ ca. Lời văn cô đọng, súc tích, chặt chẽ, hài hòa và sinh động. Truyền kỳ mạn lục là mẫu mực của thể truyền kỳ, là áng "thiên cổ kỳ bút", tiêu biểu cho những thành tựu của văn học viết bằng chữ Hán dưới ảnh hưởng của sáng tác dân gian.

Sức sống của truyền kì cũng như Truyền kì mạn lục đến hôm nay được minh chứng bởi sự in dấu của nó trong nhiều tác phẩm của văn học hiện đại. Có thể nói, thể loại truyền kì đã mất vai trò lịch sử nhưng những đặc sắc nghệ thuật ở truyền kì cũng như *Truyền kì mạn lục* đã trở thành một phương thức nghệ thuật được nhiều tác giả hiện đại sử dụng làm nên tính độc đáo, đặc sắc đầy hiệu quả trong việc phản ánh hiện thực. Do đó, nghiên cứu đặc sắc nghệ thuật Truyền kì mạn lục sẽ là vấn đề luôn mang đến những giá trị cho những người nghiên cứu cũng như giảng dạy.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lại Nguyên Ân (1992), “Từ điển văn học Việt Nam, từ nguồn gốc đến hết thế kỉ XIX”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.

2. Trần Lê Bảo, "Liêu trai" hiện đại Việt Nam, Văn học Việt Nam sau 1975- Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy, NXB Giáo dục, 2009.

3. Ngữ Văn 6, Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục.

4. Ngữ Văn 9, Tập 1, Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục, 2005.

5. Ngữ Văn 10, Tập 2, Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục, 2006.

6. Nguyễn Huệ Chi, Truyện truyền kì Việt Nam, Tập 3, NXB Giáo dục, 2009.

7. Nguyễn Dữ, Truyền kì mạn lục, NXB Trẻ, NXB Hồng Bàng, 2011.

8. Nguyễn Phong Nam, “Truyền truyền kì Việt Nam, đặc điểm hình thái – văn hoá và lịch sử”, NXB văn học, 2015